ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 44 /2017/QĐ-UBND	*Ninh Thuận, ngày 05 tháng 6 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý xây dựng, lắp đặt và hoạt động của công trình trạm thu, phát sóng thông tin di động trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 20/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 14/2013/TT-BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 15/2016/TTLT-BTTTT-BXD ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý việc xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động;

Căn cứ Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp phép xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 495/TTr-STTTT ngày 27 tháng 3 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý xây dựng, lắp đặt và hoạt động của công trình trạm thu, phát sóng thông tin di động trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (gồm 3 Chương, 18 Điều).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2017 và thay thế Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban

nhân dân tỉnh ban hành Quy định về quản lý xây dựng, lắp đặt và hoạt động của trạm thu, phát sóng thông tin di động trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế: Bộ Xây dựng, Bộ TT-TT;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH, UB MTTQVN tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: Các PCVP, QHXD, TTTH-CB;
- Lưu: VT, KT (TB).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Quản lý xây dựng, lắp đặt và hoạt động của công trình trạm thu, phát sóng thông tin di động trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

(Ban hành kèm theo Quyết định số 44 /2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này điều chỉnh việc quản lý xây dựng, lắp đặt và hoạt động của công trình trạm thu, phát sóng thông tin di động (sau đây viết tắt là trạm BTS) bao gồm: Nhà trạm và cột ăng ten; thiết bị và ăng ten thu, phát sóng vô tuyến điện trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp viễn thông, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xây dựng, lắp đặt, quản lý, khai thác sử dụng công trình trạm BTS trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 3. Nguyên tắc chung

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 15/2016/TTLT-BTTTT-BXD ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý việc xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Điều kiện cấp giấy phép công trình trạm BTS

Thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Điều 5. Giấy phép xây dựng công trình trạm BTS

1. Trước khi khởi công xây dựng công trình trạm BTS, chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật về xây dựng, trừ các trường hợp được miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

2. Giấy phép xây dựng mới; cải tạo, sửa chữa; di dời; giấy phép xây dựng có thời hạn theo mẫu tại Phụ lục số 4 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

3. Công trình trạm BTS được miễn giấy phép xây dựng gồm:

a) Công trình trạm BTS thuộc hệ thống công trình trạm BTS nằm ngoài đô thị phù hợp với quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động chi tiết của doanh nghiệp đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Công trình trạm BTS không cồng kềnh tại khu vực đô thị phù hợp với quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động chi tiết của doanh nghiệp đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Công trình trạm BTS xây dựng ở nông thôn thuộc khu vực chưa có quy hoạch phát triển đô thị và quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt.

4. Chủ đầu tư xây dựng công trình trạm BTS được miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại Khoản 3 Điều này phải gửi văn bản thông báo ngày khởi công xây dựng (theo mẫu tại Phụ lục 1 Quy định này) cho Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Thông tin và Truyền thông và Sở Xây dựng (hoặc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố) trên địa bàn xây dựng công trình trong thời hạn 07 ngày làm việc trước khi khởi công.

Điều 6. Cơ quan có thẩm quyền có ý kiến về vị trí xây dựng, cấp giấy phép xây dựng công trình trạm BTS

1. Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan có ý kiến về vị trí xây dựng và loại hình trạm BTS (Cột ăng ten cồng kềnh hoặc cột ăng ten không cồng kềnh) đảm bảo phù hợp với quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2014.

2. Các cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng công trình trạm BTS trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận gồm có:

a) Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng công trình trạm BTS cấp I, cấp II quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 2 Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; công trình trạm BTS trên địa bàn thành phố Phan Rang-Tháp Chàm.

b) Ủy ban nhân dân các huyện cấp giấy phép xây dựng công trình trạm BTS thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình trạm BTS nêu tại Điểm a, Khoản 2, Điều này.

c) Ban Quản lý các Khu công nghiệp cấp giấy phép xây dựng công trình trạm BTS trong các Khu, Cụm công nghiệp được giao quản lý, trừ các công trình trạm BTS nêu tại Điểm a, b, Khoản 2 Điều này.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan cấp giấy phép xây dựng công trình trạm BTS

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

Điều 8. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình trạm BTS

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 8 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng. Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình trạm BTS tại Phụ lục số 2 Quy định này.

Điều 9. Cấp giấy phép xây dựng công trình trạm BTS có thời hạn

1. Điều kiện cấp giấy phép xây dựng có thời hạn: Công trình trạm BTS cấp IV quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 2 Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng và đáp ứng quy định tại Điều 94 của Luật Xây dựng năm 2014.

2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình BTS có thời hạn quy định tại Điều 8 Quy định này. Riêng tiêu đề của đơn được đổi thành "Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình trạm BTS có thời hạn"

Điều 10. Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng và thu hồi, hủy giấy phép xây dựng công trình trạm BTS

1. Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng công trình trạm BTS thực hiện theo quy định tại Khoản 1, 2 và 3, Điều 16 của Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

2. Công trình trạm BTS do cơ quan nào cấp giấy phép xây dựng thì cơ quan đó điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng do mình cấp.

Điều 11. Thiết bị và ăng ten thu, phát sóng vô tuyến điện

1. Các công trình trạm BTS hoạt động phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm định theo quy định hiện hành.

2. Đáp ứng các yêu cầu về an toàn bức xạ trường điện từ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phơi nhiễm điện từ của các trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng (viết tắt: QCVN 8:2010/BTTTT) kèm theo Thông tư số 18/2010/TT-BTTTT ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về viễn thông.

Chương III
TRÁCH NHIỆM VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Sở Thông tin và Truyền thông

1. Hướng dẫn, yêu cầu các doanh nghiệp viễn thông phối hợp thỏa thuận việc sử dụng chung cơ sở hạ tầng nhằm bảo đảm cảnh quan, môi trường, không gian thông thoáng đối với khu vực trung tâm các huyện, thành phố và khu vực trung tâm các xã, phường, thị trấn.

2. Tổ chức kiểm tra các doanh nghiệp viễn thông về việc thực hiện công tác kiểm định và công bố sự phù hợp đối với công trình trạm BTS trên địa bàn tỉnh.

3. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan giải quyết những khiếu nại của tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xây dựng công trình trạm BTS theo quy định.

4. Tuyên truyền, phổ biến cho các tổ chức, cá nhân có liên quan hiểu rõ mục đích, yêu cầu của việc xây dựng, lắp đặt công trình trạm BTS trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 13. Sở Xây dựng

1. Tổ chức cấp giấy phép xây dựng công trình trạm BTS theo hướng dẫn của Quy định này.

2. Phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết những khiếu nại đối với các tổ chức, cá nhân về xây dựng công trình trạm BTS trên địa bàn tỉnh theo quy định.

3. Làm đầu mối tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ 6 tháng, một năm và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về công tác cấp giấy phép công trình trạm BTS trên địa bàn tỉnh.

Điều 14. Ban Quản lý các khu công nghiệp

1. Tổ chức cấp giấy phép xây dựng công trình trạm BTS theo hướng dẫn của Quy định này.

2. Báo cáo định kỳ 6 tháng, một năm và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về công tác cấp giấy phép công trình trạm BTS về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 15. Ủy ban nhân dân các huyện

1. Tổ chức cấp giấy phép xây dựng công trình trạm BTS theo hướng dẫn của Quy định này; phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra việc xây dựng công trình trạm BTS thuộc địa bàn do mình quản lý.

2. Tuyên truyền, phổ biến các nội dung của Quy định này cho các tổ chức, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn quản lý.

3. Báo cáo định kỳ 6 tháng, một năm và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về công tác cấp giấy phép công trình trạm BTS về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan để giải quyết kịp thời các vướng mắc phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt và hoạt động của công trình trạm BTS trên địa bàn huyện.

Điều 16. Doanh nghiệp viễn thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xây dựng, lắp đặt và hoạt động của các công trình trạm BTS

1. Trước khi lập hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng công trình trạm BTS phải có văn bản chấp thuận của Sở Thông tin và Truyền thông về sự phù hợp của vị trí, loại hình trạm BTS. Trường hợp công trình trạm BTS được xây dựng, lắp đặt trong khu vực sân bay, trong phạm vi vùng trời lân cận của sân bay, có độ cao trên 45m so với mặt đất tự nhiên phải xin ý kiến chấp thuận của Bộ Quốc phòng theo quy

định tại Điều 14, Điều 15 Nghị định số 20/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam.

2. Thực hiện Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Tham gia tuyên truyền, phổ biến về mục đích, ý nghĩa của việc xây dựng, lắp đặt các công trình trạm BTS.

4. Tuân thủ quy định về kiểm định công trình trạm BTS. Phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc giải quyết các vướng mắc trong quá trình xây dựng, lắp đặt và hoạt động của các công trình trạm BTS.

5. Báo cáo theo yêu cầu của Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các huyện về công tác xây dựng công trình trạm BTS trên địa bàn tỉnh.

Điều 17. Xử lý chuyển tiếp

1. Công trình trạm BTS đã khởi công xây dựng trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 thì được tiếp tục xây dựng mà không phải đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo quy định của Quy định này.

2. Việc điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép xây dựng đối với công trình trạm BTS đã được cấp giấy phép xây dựng trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 được thực hiện theo quy định của Quy định này. Thẩm quyền điều chỉnh, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép xây dựng do cơ quan đã cấp giấy phép xây dựng thực hiện.

3. Công trình trạm BTS đã được cấp giấy phép xây dựng trước ngày 01 tháng 01 năm 2015, nhưng theo quy định của quy định này thuộc đối tượng miễn giấy phép xây dựng nếu có điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng đã được cấp thì lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng theo quy định của Quy định này.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng triển khai, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh bằng văn bản về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Lê Văn Bình

PHỤ LỤC 1

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO
Thời điểm khởi công xây dựng công trình trạm BTS

Kính gửi: - Sở Xây dựng .....
- Sở Thông tin và Truyền thông .....
- UBND xã/phường/thị trấn .....

1. Tên chủ đầu tư:.....
- Người đại diện..... Chức vụ: .....
- Địa chỉ liên hệ:
- Số nhà:.....Đường..... Phường (xã).....
- Tỉnh, thành phố: .....
2. Địa điểm, loại cột xây dựng:
- Lô đất số:.....Diện tích:.....m^2.
- Tại:.....Đường: .....
- Phường (xã) ..... Huyện (thành phố).....
- Tọa độ: Kinh độ.....Vĩ độ.....
- Loại cột, chiều cao cột, chiều cao công trình xây dựng (nếu cột ăng ten lắp đặt trên công trình xây dựng):.....
- Diện tích đất sử dụng:.....m^2.
- Hồ sơ thiết kế, bản vẽ phối cảnh công trình:.....
3. Đơn vị hoặc người thiết kế:.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:.....
4. Tổ chức, cá nhân thẩm định thiết kế (nếu có):.....
- Địa chỉ:.....Điện thoại:.....
- Giấy phép hành nghề số (nếu có):.....cấp ngày:.....
5. Phương án phá dỡ, di dời (nếu có):.....
6. Thời điểm bắt đầu xây dựng:.....
7. Dự kiến thời điểm hoàn thành:.....
8. Cam kết: Chúng tôi xin cam kết thực hiện xây dựng công trình cột ăng ten theo đúng quy hoạch xây dựng hạ tầng viễn thông thụ động đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và các quy định của pháp luật có liên quan./.

...., ngày ..... tháng .... năm .....
CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 2

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp giấy phép xây dựng công trình trạm BTS

Kính gửi: .....

1. Tên chủ đầu tư:.....
- Người đại diện..... Chức vụ: .....
- Địa chỉ liên hệ:
- Số nhà:.....Đường..... Phường (xã).....
- Tỉnh, thành phố: .....
- Số điện thoại:.....
2. Địa điểm xây dựng:
- Lô đất số:.....Diện tích:.....m^2.
- Tại:.....Đường: .....
- Phường (xã) ..... Huyện (thành phố).....
- Toạ độ: Kinh độ.....Vĩ độ.....
- Nguồn gốc đất (thuộc quyền sử dụng của chủ đầu tư hay thuê).....
3. Nội dung đề nghị cấp phép:
- Loại cột, chiều cao cột, chiều cao công trình xây dựng (nếu cột ăng ten lắp đặt trên công trình xây dựng).....
- Diện tích đất sử dụng:.....m^2.
- Hồ sơ thiết kế, bản vẽ phối cảnh công trình.....
4. Đơn vị hoặc người thiết kế:.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:.....
5. Tổ chức, cá nhân thẩm định thiết kế (nếu có):.....
- Địa chỉ:.....Điện thoại:.....
- Giấy phép hành nghề số (nếu có):.....cấp ngày:.....
6. Phương án phá dỡ, di dời (nếu có):.....
7. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình:.....tháng.
8. Cam kết: tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

....., ngày ..... tháng .... năm .....

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký ghi rõ họ tên)